

1. Mục tiêu bài học

Từ vựng:

- Hiểu và sử dụng các từ vựng cơ bản liên quan đến sở thích và hoạt động giải trí

Ngữ pháp:

- **Hiện tại tiếp diễn:**
 - Nắm vững cấu trúc và cách sử dụng để mô tả hành động đang diễn ra tại thời điểm nói hoặc những hành động tạm thời.
- **Quá khứ tiếp diễn:**
 - Hiểu cách diễn đạt hành động xảy ra tại một thời điểm cụ thể trong quá khứ hoặc hai hành động song song.
- **Mạo từ:**
 - Biết sử dụng mạo từ xác định (the) và không xác định (a/an) trong các câu.

2. Từ vựng

- **Concert** /'kɒn.sərt/: buổi hòa nhạc
Ví dụ: We are going to a concert this weekend.
(Chúng tôi sẽ đi xem buổi hòa nhạc vào cuối tuần này.)
- **Performance** /pə'fɔː.məns/: buổi biểu diễn
Ví dụ: The performance was absolutely amazing.
(Buổi biểu diễn hoàn toàn tuyệt vời.)
- **Cinema** /'sɪn.i.mə/: rạp chiếu phim
Ví dụ: They are watching a new movie at the cinema.
(Họ đang xem một bộ phim mới ở rạp chiếu phim.)
- **Audience** /'ɔː.di.əns/: khán giả
Ví dụ: The audience was excited during the performance.
(Khán giả rất phấn khích trong suốt buổi biểu diễn.)
- **Ticket** /'tɪk.ɪt/: vé
Ví dụ: Do you have a ticket for the concert?
(Bạn có vé cho buổi hòa nhạc không?)

- **Stage** /steɪdʒ/: sân khấu
Ví dụ: The singer is standing on the stage.
(Ca sĩ đang đứng trên sân khấu.)
- **Actor** /'æk.tər/: diễn viên nam
Ví dụ: He is a famous actor in Hollywood.
(Anh ấy là một diễn viên nổi tiếng ở Hollywood.)
- **Actress** /'æk.trɪs/: diễn viên nữ
Ví dụ: The actress was awarded for her amazing role.
(Nữ diễn viên đã được trao giải cho vai diễn tuyệt vời của cô.)
- **Festival** /'fes.tɪ.vəl/: lễ hội
Ví dụ: We are attending a music festival next month.
(Chúng tôi sẽ tham dự một lễ hội âm nhạc vào tháng tới.)
- **Entertainment** /,en.tə'tem.mənt/: giải trí
Ví dụ: This city offers a lot of entertainment options.
(Thành phố này cung cấp rất nhiều lựa chọn giải trí.)
- **Musician** /mju'zɪ.ən/: nhạc sĩ
Ví dụ: The musician is composing a new song.
(Nhạc sĩ đang sáng tác một bài hát mới.)
- **Movie** /'muː.vi/: phim
Ví dụ: We watched a great movie last night.
(Chúng tôi đã xem một bộ phim tuyệt vời tối qua.)
- **Documentary** /,dɒk.jə'men.tər.i/: phim tài liệu
Ví dụ: I enjoy watching documentaries about nature.
(Tôi thích xem phim tài liệu về thiên nhiên.)
- **Broadcast** /'brɔːd.kɑːst/: phát sóng
Ví dụ: The news is being broadcast live.
(Tin tức đang được phát sóng trực tiếp.)
- **Host** /həʊst/: người dẫn chương trình
Ví dụ: The host is introducing the performers.
(Người dẫn chương trình đang giới thiệu các nghệ sĩ biểu diễn.)

- **Game show** /'geɪm ʃəʊ/: trò chơi truyền hình
Ví dụ: Have you ever watched that new game show?
(Bạn đã từng xem trò chơi truyền hình mới đó chưa?)
- **Comedy** /'kɒm.ə.di/: phim hài
Ví dụ: The comedy made everyone laugh.
(Bộ phim hài khiến mọi người cười.)
- **Rehearsal** /rɪ'hɜː.səl/: buổi tập luyện
Ví dụ: The band is having a rehearsal before the show.
(Ban nhạc đang có buổi tập luyện trước buổi diễn.)
- **Theater** /'θɪə.tər/: nhà hát
Ví dụ: We are going to the theater to watch a play.
(Chúng tôi sẽ đến nhà hát để xem một vở kịch.)
- **Entertainer** /,en.tə'teɪ.nər/: nghệ sĩ giải trí
Ví dụ: The entertainer is performing a magic trick.
(Nghệ sĩ giải trí đang biểu diễn một màn ảo thuật.)

3. Bài đọc

Bài đọc:

Title: An Evening at the Theater

Last weekend, I went to a theater to watch a play with my friends. The actor and the actress were performing on stage, and the audience was watching them carefully. The theater was full, and everyone was enjoying the performance. The play was a comedy, so we all laughed a lot.

(Cuối tuần trước, tôi đã đến nhà hát để xem một vở kịch cùng bạn bè. Nam diễn viên và nữ diễn viên đang biểu diễn trên sân khấu, và khán giả theo dõi họ rất chăm chú. Nhà hát đầy người và mọi người đều thích buổi biểu diễn. Vở kịch là một bộ phim hài, vì vậy chúng tôi đã cười rất nhiều.)

While we were watching the play, I noticed that the musician was playing live music. It made the performance even more enjoyable. After the play, we met the entertainer and talked to him about the show. He told us that the rehearsals were very difficult, but he was happy with how the performance turned out.

(Khi chúng tôi đang xem vở kịch, tôi nhận thấy rằng nhạc sĩ đang chơi nhạc sống. Điều đó làm cho buổi biểu diễn thậm chí còn thú vị hơn. Sau vở kịch, chúng tôi gặp nghệ sĩ giải trí và nói chuyện với anh ấy về chương trình. Anh ấy nói với chúng tôi rằng các buổi tập luyện rất khó khăn, nhưng anh ấy hài lòng với kết quả của buổi biểu diễn.)

Next month, we are going to attend a music festival. We have already bought the tickets, and we are very excited. The festival will have many famous musicians and bands performing live on stage. I hope it will be as fun as the play we watched last weekend.

(Tháng tới, chúng tôi sẽ tham dự một lễ hội âm nhạc. Chúng tôi đã mua vé và rất hào hứng. Lễ hội sẽ có nhiều nhạc sĩ và ban nhạc nổi tiếng biểu diễn trực tiếp trên sân khấu. Tôi hy vọng nó sẽ vui như vở kịch chúng tôi đã xem cuối tuần trước.)

4. Câu hỏi multiple choice:

1. What kind of performance did the speaker watch last weekend?
 - a) A musical
 - b) A play
 - c) A concert
 - d) A game show
- Đáp án:** b) A play
2. What type of play did they watch?
 - a) A drama
 - b) A thriller
 - c) A comedy

d) A documentary

Đáp án: c) A comedy

3. What was the musician doing during the play?

a) Playing recorded music

b) Playing live music

c) Talking to the audience

d) Acting on stage

Đáp án: b) Playing live music

4. Who did the speaker meet after the play?

a) The musician

b) The host

c) The entertainer

d) The audience

Đáp án: c) The entertainer

5. What event are they planning to attend next month?

a) A concert

b) A game show

c) A music festival

d) A movie premiere

Đáp án: c) A music festival

5. Hội thoại

Đoạn hội thoại về chủ đề "Entertainment" sử dụng từ vựng B1 và các cấu trúc ngữ pháp "Hiện tại tiếp diễn, Quá khứ tiếp diễn, Mạo từ"

Ngữ cảnh: Alice và Tom đang thảo luận về buổi hòa nhạc mà họ đã xem vào tuần trước và kế hoạch giải trí trong tương lai.

Alice: Hi Tom! Did you enjoy the concert last weekend?

(Alice: Chào Tom! Bạn có thích buổi hòa nhạc cuối tuần trước không?)

Tom: Yes, I did! While the band was playing, I couldn't stop cheering. The atmosphere was amazing!

(Tom: Có, mình rất thích! Khi ban nhạc đang chơi, mình không thể ngừng reo hò. Bầu không khí thật tuyệt vời!)

Alice: I agree. The lead singer is performing so well these days. He is improving every time I see him.

(Alice: Mình đồng ý. Ca sĩ chính đang biểu diễn rất tốt dạo gần đây. Anh ấy đang cải thiện mỗi khi mình nhìn thấy.)

Tom: Exactly! During the show, I noticed that the audience was clapping non-stop. The energy in the room was incredible.

(Tom: Chính xác! Trong suốt buổi diễn, mình nhận thấy khán giả không ngừng vỗ tay. Năng lượng trong phòng thật không thể tin được.)

Alice: Yes, and the lighting effects were fantastic. The combination of music and lights made the experience unforgettable.

(Alice: Đúng vậy, và hiệu ứng ánh sáng thật tuyệt vời. Sự kết hợp giữa âm nhạc và ánh sáng đã tạo nên một trải nghiệm không thể quên.)

Tom: I totally agree. So, are you planning to attend any other events this month?

(Tom: Mình hoàn toàn đồng ý. Vậy, bạn có dự định tham gia sự kiện nào khác trong tháng này không?)

Alice: Actually, I'm thinking about going to the cinema next week. There's a new documentary about nature that I really want to watch.

(Alice: Thực ra, mình đang nghĩ về việc đi xem phim vào tuần sau. Có một bộ phim tài liệu mới về thiên nhiên mà mình rất muốn xem.)

Tom: That sounds interesting. I've been watching a lot of documentaries lately. They're a great way to learn about the world.

(Tom: Nghe thú vị đấy. Mình đã xem rất nhiều phim tài liệu gần đây. Chúng là một cách tuyệt vời để học về thế giới.)

Alice: Exactly! I also love watching documentaries in my leisure time. And after the cinema, I might go to an art exhibition. Have you ever been to one?

(Alice: Chính xác! Mình cũng rất thích xem phim tài liệu trong thời gian rảnh. Và sau khi đi xem phim, có thể mình sẽ đi xem triển lãm nghệ thuật. Bạn đã từng đi chưa?)

Tom: Yes, I have! Last year, while I was traveling in Paris, I visited an art exhibition at a famous gallery. It was an incredible experience.

(Tom: Rồi, mình có đi rồi! Năm ngoái, khi mình đang du lịch ở Paris, mình đã thăm một triển lãm nghệ thuật tại một phòng trưng bày nổi tiếng. Đó là một trải nghiệm tuyệt vời.)

Alice: That sounds amazing! I've never been to an art exhibition before, so I'm really looking forward to it.

(Alice: Nghe tuyệt thật! Mình chưa bao giờ đi xem triển lãm nghệ thuật, nên mình thực sự mong chờ điều đó.)

Tom: You should definitely go. I think you'll enjoy it, especially if you like creative and inspiring works.

(Tom: Bạn chắc chắn nên đi. Mình nghĩ bạn sẽ thích nó, đặc biệt nếu bạn thích các tác phẩm sáng tạo và truyền cảm hứng.)

Alice: Thanks for the recommendation! Let's plan to go together next time.

(Alice: Cảm ơn vì gợi ý! Chúng ta lên kế hoạch đi cùng nhau lần tới nhé.)

Tom: That sounds like a plan!

(Tom: Nghe có vẻ là một kế hoạch tốt đấy!)

6. Câu hỏi multiple choice:

1. What event did Alice and Tom attend last weekend?

- a) A movie
- b) A concert
- c) A documentary

d) An art exhibition

Đáp án: b) A concert

2. What did Tom notice during the concert?

a) The lead singer was not performing well

b) The audience was clapping non-stop

c) The lighting effects were too bright

d) The music was too loud

Đáp án: b) The audience was clapping non-stop

3. What is Alice planning to do next week?

a) Go to an art exhibition

b) Watch a concert

c) Attend a music festival

d) Go to the cinema

Đáp án: d) Go to the cinema

4. Where did Tom visit an art exhibition?

a) In London

b) In New York

c) In Paris

d) In Berlin

Đáp án: c) In Paris

5. What kind of film does Alice want to watch at the cinema?

a) A comedy

b) A documentary

c) An action movie

d) A drama

Đáp án: b) A documentary

1.

7. Cấu trúc ngữ pháp

1. Hiện tại tiếp diễn (Present Continuous)

- **Diễn tả hành động đang xảy ra tại thời điểm nói.**

Ví dụ: "She is reading a book."

(Cô ấy đang đọc một cuốn sách.)

- **Diễn tả một hành động tạm thời, không lâu dài.**

Ví dụ: "I am staying with my friend this week."

(Tôi đang ở với bạn của mình tuần này.)

- **Diễn tả một hành động xảy ra trong khoảng thời gian hiện tại nhưng không nhất thiết tại thời điểm nói.**

Ví dụ: "They are studying for exams this month."

(Họ đang học cho kỳ thi trong tháng này.)

Dấu hiệu nhận biết

Từ chỉ thời gian thường gặp:

- **Now** (bây giờ)
- **At the moment** (hiện tại)
- **Currently** (hiện tại)
- **Right now** (ngay bây giờ)
- **Today** (hôm nay)
- **This week/month/year** (tuần/tháng/năm này)
- **While** (trong khi)
- **These days** (dạo này)

Cấu trúc:

- **S + am/is/are + V-ing**

Chia động từ:

- **I:** am + V-ing
- **He/She/It:** is + V-ing

- **We/You/They:** are + V-ing

Ví dụ:

- "She is reading a book."
- "They are playing football."

2. Quá khứ tiếp diễn (Past Continuous)

Cách dùng:

- **Diễn tả hành động đang xảy ra tại một thời điểm cụ thể trong quá khứ.**

Ví dụ: "I was watching TV at 8 PM last night."

(Tôi đã xem ti vi vào lúc 8 giờ tối qua.)

- **Diễn tả hai hành động xảy ra song song trong quá khứ.**

Ví dụ: "They were playing games while I was cooking."

(Họ đang chơi trò chơi trong khi tôi đang nấu ăn.)

- **Diễn tả một hành động bị gián đoạn bởi một hành động khác.**

Ví dụ: "I was sleeping when the phone rang."

(Tôi đang ngủ khi điện thoại reo.)

Dấu hiệu nhận biết

Từ chỉ thời gian thường gặp:

- **At that time** (vào thời điểm đó)
- **While** (trong khi)
- **When** (khi)
- **Yesterday** (hôm qua) – khi nhấn mạnh hành động đang diễn ra vào một thời điểm cụ thể trong ngày hôm qua.
- **Last night** (tối hôm qua) – khi nhấn mạnh hành động đang diễn ra vào một thời điểm cụ thể trong tối hôm qua.
- **All day** (suốt cả ngày)
- **At 8 PM yesterday** (lúc 8 giờ tối hôm qua)

Cấu trúc:

- S + was/were + V-ing

Chia động từ:

- I/He/She/It: was + V-ing
- We/You/They: were + V-ing

Ví dụ:

- "I was watching TV at 8 PM last night."
- "They were playing games while I was cooking."

3. Mạo từ trong tiếng Anh

Mạo từ được sử dụng để chỉ danh từ trong câu. Có hai loại mạo từ chính: **mạo từ xác định** và **mạo từ không xác định**.

1. Mạo từ xác định (The)

- Cách dùng:
 - Dùng để chỉ một danh từ cụ thể mà người nghe đã biết hoặc đã được đề cập trước đó.
 - Ví dụ:
 - "The book on the table is mine." (Cuốn sách trên bàn là của tôi.)
– Người nghe biết rõ về cuốn sách này.
- Các trường hợp sử dụng:
 - Khi danh từ chỉ duy nhất một thứ: "the sun," "the moon."
 - Khi danh từ đã được đề cập trước đó: "I saw a cat. The cat was black."

2. Mạo từ không xác định (A/An)

- Cách dùng:

- Dùng khi nói về một danh từ không cụ thể, hoặc khi lần đầu tiên đề cập đến nó.
- "A" được sử dụng trước danh từ số ít bắt đầu bằng phụ âm.
- "An" được sử dụng trước danh từ số ít bắt đầu bằng nguyên âm.
- **Ví dụ:**
 - "I saw a dog in the park." (Tôi thấy một con chó trong công viên.) – Danh từ "dog" chưa được xác định cụ thể.
 - "She is an artist." (Cô ấy là một nghệ sĩ.) – "artist" bắt đầu bằng nguyên âm.

3. Khi nào không sử dụng mạo từ

- Trước danh từ số nhiều không xác định: "I like cats."
- Trước danh từ không đếm được: "She drinks water."
- Trong các cụm từ cố định: "go to school," "in hospital."

4. Một số lưu ý

- Mạo từ có thể thay đổi ý nghĩa của câu:
 - "I want to be a teacher." (Tôi muốn trở thành một giáo viên.) khác với "I want to be the teacher." (Tôi muốn trở thành giáo viên mà bạn đã nhắc đến.)

8. Bài tập ngữ pháp

Bài Tập 1: Nối Động Từ Với Danh Từ (Collocations)

Nối các động từ sau với danh từ để tạo thành cụm từ hợp lệ liên quan đến chủ đề giải trí.

Động Từ	Danh Từ

enjoy	concert
watch	movie
read	book
listen	music
play	game

Đáp án:

1. enjoy a concert
2. watch a movie
3. read a book
4. listen to music
5. play a game

Phân Tích Lỗi:

- Học sinh có thể viết "listen music" mà không có "to", sai cấu trúc. Nên sử dụng "listen to music".

Bài Tập 2: Viết Câu Hoàn Chỉnh Từ Từ Gợi Ý

Sử dụng các từ gợi ý dưới đây để viết thành câu hoàn chỉnh.

1. (I, watch, a new movie, now)
2. (They, listen, to their favorite song, last night)

3. (She, read, a book, when the phone rang)
4. (We, enjoy, the concert, at the moment)
5. (He, play, video games, when I called)

Đáp án:

1. I am watching a new movie now.
2. They were listening to their favorite song last night.
3. She was reading a book when the phone rang.
4. We are enjoying the concert at the moment.
5. He was playing video games when I called.

Phân Tích Lỗi:

- Học sinh có thể nhầm lẫn giữa thì hiện tại tiếp diễn và quá khứ tiếp diễn.
Ví dụ, viết "I watch a new movie now" thay vì "I am watching".

Bài Tập 3: Sửa Lỗi Trong Câu

Xác định và sửa lỗi trong các câu sau:

1. He watch TV yesterday.
2. They are listen to the radio now.
3. I was reading when you call me.
4. She enjoy the show last week.
5. We is going to the theater tonight.

Đáp án:

1. He watched TV yesterday.
2. They are listening to the radio now.
3. I was reading when you called me.
4. She enjoyed the show last week.

5. We are going to the theater tonight.

Phân Tích Lỗi:

- Học sinh có thể quên chia động từ ở quá khứ, như trong câu 1 và 4.
- Lỗi sử dụng động từ "is" thay vì "are" trong câu 5.

Bài Tập 4: Viết Lại Các Câu

Viết lại các câu dưới đây bằng cách thay đổi tính từ, trạng từ hoặc danh từ để làm câu phong phú hơn.

1. I watch a movie.
2. They go to the concert.
3. She plays the guitar.
4. We enjoy the show.
5. He listens to music.

Đáp án:

1. I frequently watch an exciting movie.
2. They excitedly go to the live concert.
3. She skillfully plays the acoustic guitar.
4. We thoroughly enjoy the amazing show.
5. He often listens to classical music.

Phân Tích Lỗi:

- Học sinh có thể viết câu đơn giản và không sử dụng tính từ miêu tả. Cần khuyến khích thêm từ để tạo tính phong phú.

Bài Tập 5: Speaking IELTS Part 2

Mục tiêu: Học sinh sẽ chuẩn bị cho phần Speaking IELTS với một chủ đề cụ thể.

Chủ đề: "Describe an entertaining event you attended."

Câu Hỏi Gợi Ý

1. What type of event was it?
2. Where did it take place?
3. Who did you go with?
4. How did you feel during the event?
5. Was there anything unexpected that happened?
6. What was your favorite part of the event?
7. Would you like to attend a similar event in the future? Why or why not?

Bài Mẫu

The event I attended recently was a **music festival** that featured various **local and international artists**. It was not just a regular concert but a **three-day event** filled with different genres of music, food stalls, and activities that catered to a wide range of interests.

The festival took place at a **large open field** near the **outskirts of the city**, offering a stunning view of the mountains. The venue was spacious enough to accommodate thousands of people, yet it still felt cozy, creating a welcoming atmosphere for everyone.

I went to the event with my **best friends** and my **younger brother**. We all share a love for music, so it was the perfect group to enjoy the event with. We had planned the trip for months and were really excited to finally experience it together.

During the event, I felt a mix of **excitement** and **relaxation**. The music was incredible, and I loved the energy of the crowd. At the same time, being outdoors and enjoying the fresh air helped me unwind after a stressful week. It was a refreshing break from daily life.

Yes, one unexpected thing happened when one of the performers invited the audience to come on stage and sing along with him. It was such a **spontaneous moment**, and a few lucky fans got to sing with their favorite artist. That created an amazing sense of connection between the performer and the audience.

My favorite part of the event was the **sunset performance** on the last day. The stage was set against the backdrop of the setting sun, and the music was calm and beautiful, making it a truly memorable moment. It felt magical, and I could feel the joy and tranquility in the air.

Definitely! I had such a great time at this festival that I would love to attend something similar in the future. It was a perfect mix of fun, relaxation, and great company, which made the whole experience unforgettable. I look forward to attending more events like this because they bring people together and create lasting memories.

Cách trả lời cho các câu hỏi

1. What type of event was it?

- *The event I attended was a **music festival** that featured various **local and international artists**. It was not just a regular concert but a **three-day event** filled with different genres of music, food stalls, and activities.*

Phân tích: Trả lời chi tiết về loại sự kiện và sử dụng từ vựng phong phú như "music festival," "local and international artists," "three-day event."

2. Where did it take place?

- *The festival took place at a **large open field** near the **outskirts of the city**, offering a stunning view of the mountains. The venue was spacious enough to accommodate thousands of people, yet it still felt cozy.*

Phân tích: Đề cập chi tiết về địa điểm với các tính từ như "large open field," "outskirts of the city," và mô tả không gian.

3. Who did you go with?

- *I went to the event with my **best friends** and my **younger brother**. We all share a love for music, so it was the perfect group to enjoy the event with. We had planned the trip for months and were really excited.*

Phân tích: Đưa thông tin về người đi cùng và lý do tại sao họ lại là những người phù hợp để cùng trải nghiệm sự kiện.

4. How did you feel during the event?

- *I felt a mix of **excitement** and **relaxation**. The music was incredible, and I loved the energy of the crowd. At the same time, being outdoors and enjoying the fresh air helped me unwind after a stressful week.*

Phân tích: Mô tả cảm xúc với các từ như "excitement," "relaxation," và liên hệ với trạng thái cá nhân.

5. Was there anything unexpected that happened?

- *Yes, one unexpected thing happened when one of the performers invited the audience to come on stage and sing along with him. It was such a **spontaneous moment**, and a few lucky fans got to sing with their favorite artist.*

Phân tích: Nêu ra một sự kiện bất ngờ và mô tả cảm xúc hoặc kết quả của sự kiện.

6. What was your favorite part of the event?

- *My favorite part of the event was the **sunset performance** on the last day. The stage was set against the backdrop of the setting sun, and the music was calm and beautiful, making it a truly memorable moment.*

Phân tích: Trả lời chi tiết về khoảnh khắc ưa thích, sử dụng hình ảnh và cảm giác để miêu tả.

7. Would you like to attend a similar event in the future? Why or why not?

- *Definitely! I had such a great time at this festival that I would love to attend something similar. It was a perfect mix of fun, relaxation, and great company, which made the whole experience unforgettable. I look forward to attending more events like this in the future.*

Phân tích: Thể hiện quan điểm cá nhân một cách tích cực và lý do tại sao muốn tham gia lại.